

Số: 704/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi
trên đất trồng lúa năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2263/TTr-SNN ngày 25/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2025”.

Điều 2. Nhiệm vụ của các ngành và địa phương

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, giám sát việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh; tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi năm 2025 trên địa bàn; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) theo quy định.

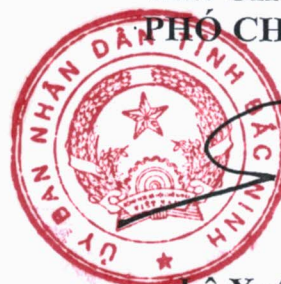
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các ngành, các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận: *ML*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh: LBVP;
- Lưu VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Xuân Lợi
Lê Xuân Lợi

**KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI
TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Đơn vị tính: ha



TT	Huyện	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)			Ghi chú
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại (Đất lúa 01 vụ)	
	Tổng số	162.99	158.08	4.91	
	Trồng cây hàng năm	112.70	111.50	1.20	
	Trồng cây lâu năm	14.90	13.30	1.60	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	35.39	33.28	2.11	
	Trong đó:				
1	Thành phố Bắc Ninh	17.69	15.58	2.11	
	Trồng cây hàng năm				
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	17.69	15.58	2.11	
2	Thành phố Từ Sơn	0.00	0.00	0.00	
	Trồng cây hàng năm				
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
3	Thị xã Thuận Thành	8.30	8.30		
	Trồng cây hàng năm	0.50	0.50		
	Trồng cây lâu năm	6.80	6.80		
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	1.00	1.00		
4	Thị xã Quế Võ	0.00	0.00	0.00	
	Trồng cây hàng năm				
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
5	Huyện Yên Phong	4.50	1.70	2.80	
	Trồng cây hàng năm	1.20		1.20	
	Trồng cây lâu năm	1.60		1.60	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	1.70	1.70		
6	Huyện Tiên Du	0.00	0.00	0.00	
	Trồng cây hàng năm				
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
7	Huyện Lương Tài	40.00	40.00		
	Trồng cây hàng năm	25.00	25.00		
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	15.00	15.00		
8	Huyện Gia Bình	92.50	92.50		
	Trồng cây hàng năm	86.00	86.00		
	Trồng cây lâu năm	6.50	6.50		
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				

